



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Ngày 30/09/2025	26,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.7%	7.0%	6.8%

DT thuần Q3/25
267
tỷ VNĐ
QoQ: ▼408 -60.4%
YoY: ▼162 -37.7%

LN thuần Q3/25
12.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.2 -62.8%
YoY: ▼9.50 -44.3%

LN sau thuế Q3/25
8.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.1 -65.0%
YoY: ▼8.21 -48.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
4.6%
YoY: +/-▼ 0.4%

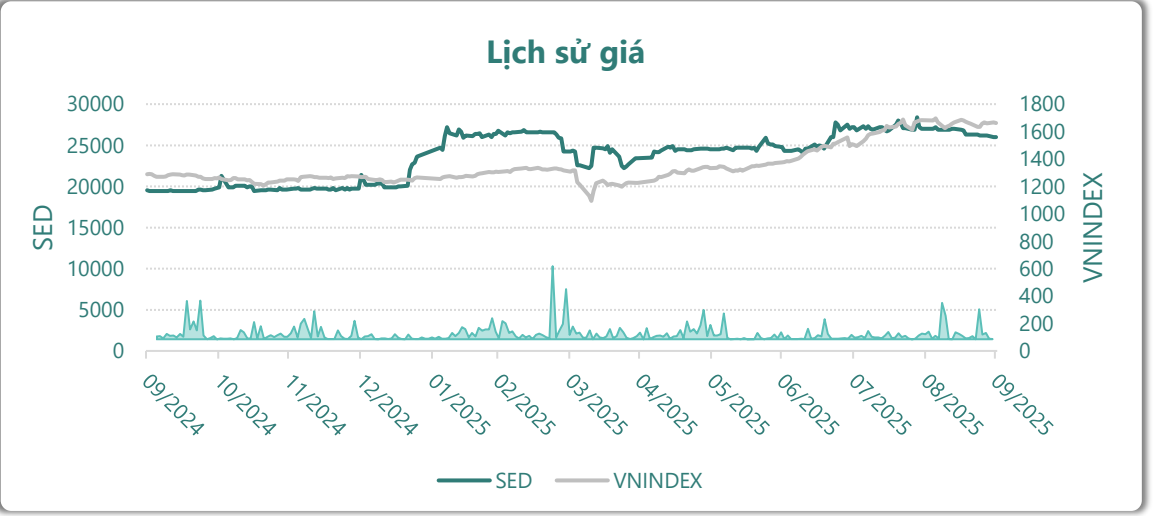
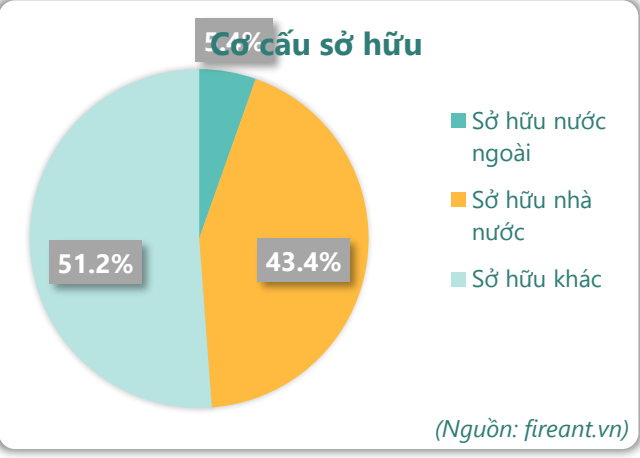
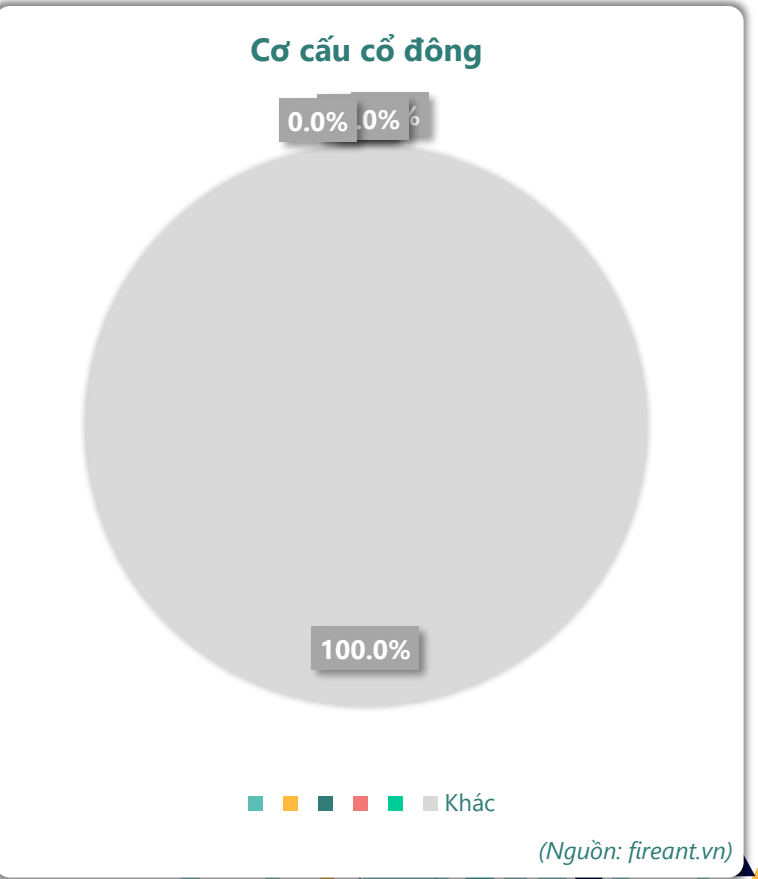
ROE (TTM) Q3/25
16.8%
YoY: +/-▼ 3.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,439 - 28,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	241
Số lượng CPLH (CP)	9,271,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,805
Sở hữu nước ngoài	5.4%
Beta	0.49
EPS	6,117
P/E	4.3

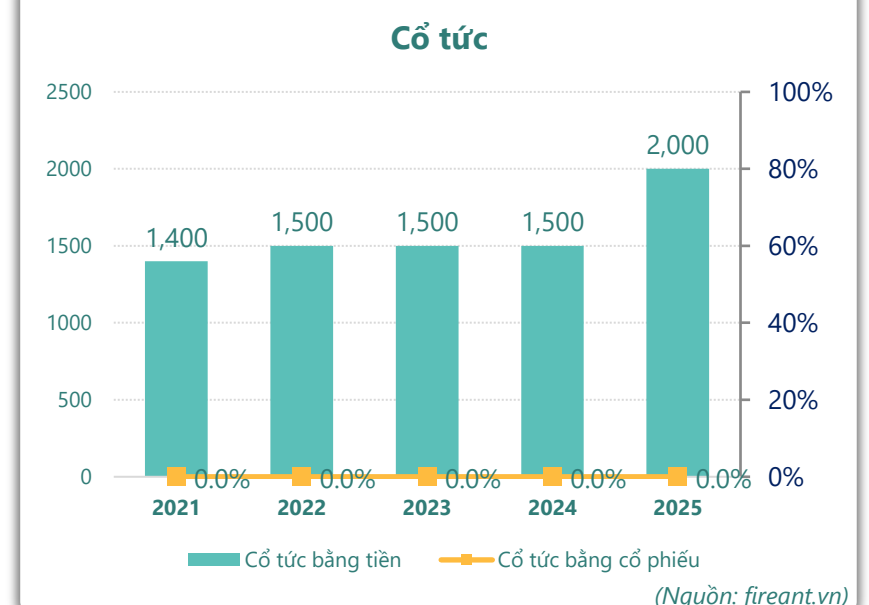
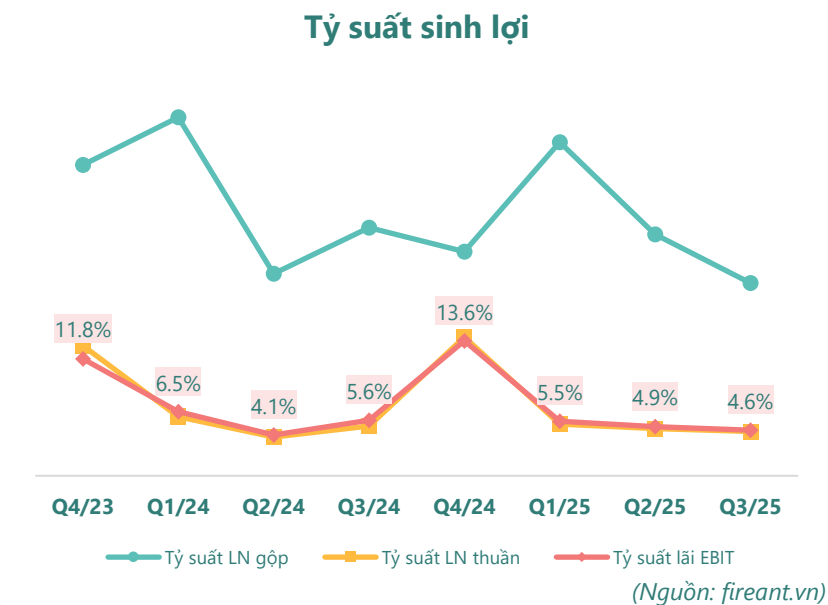
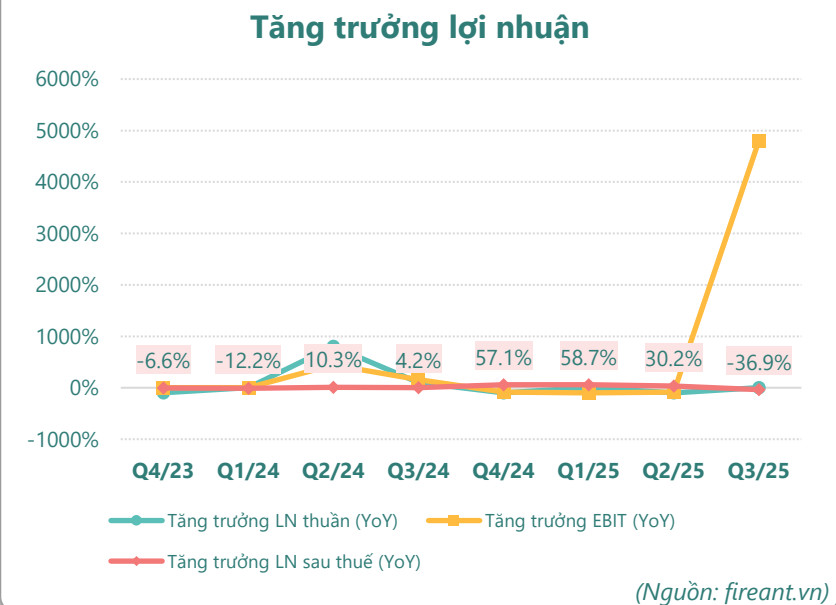
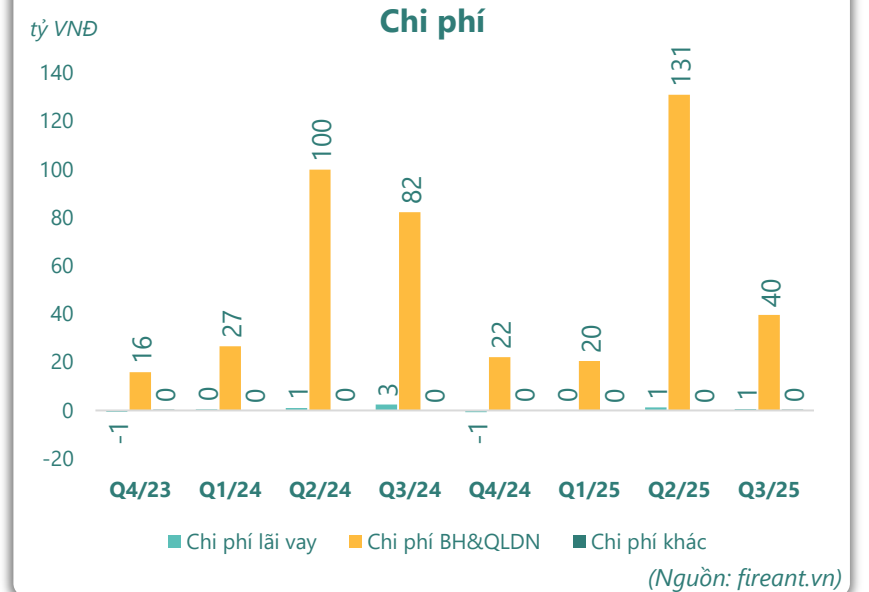
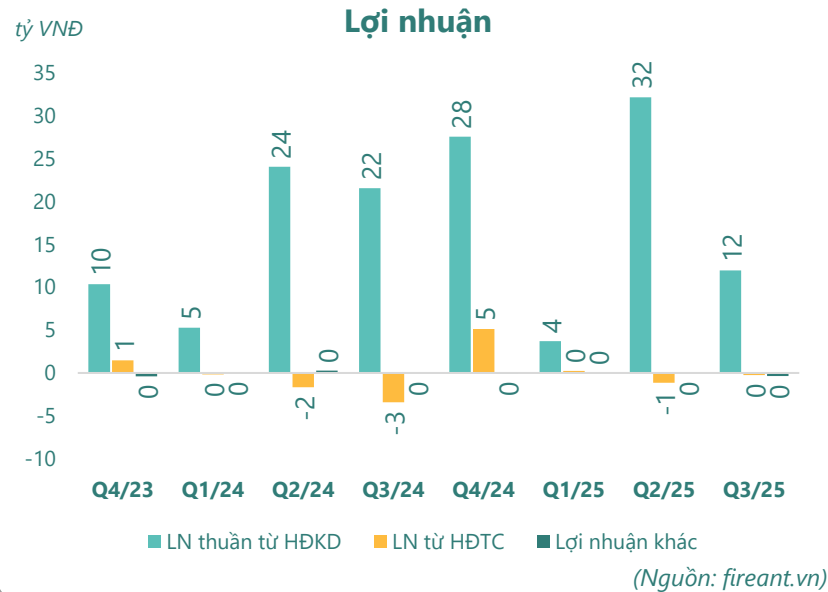
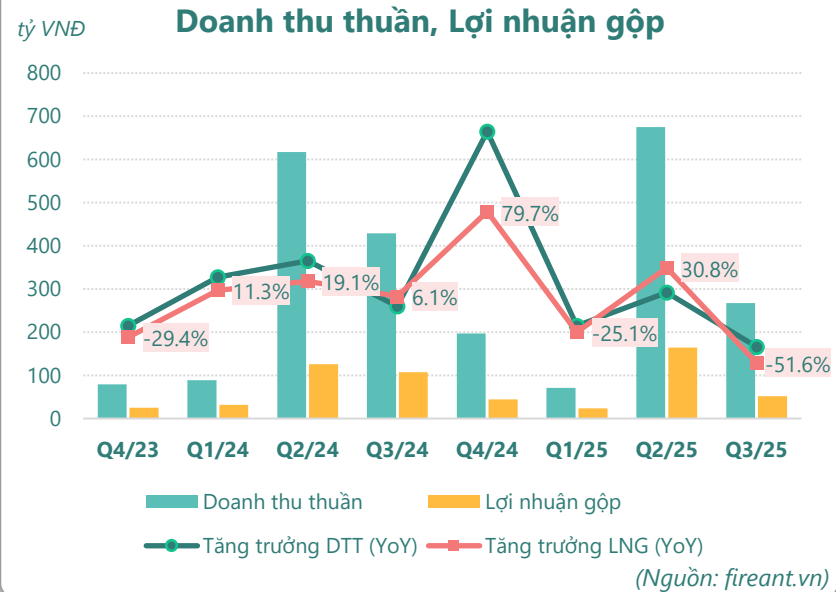
DT thuần 9T 2025
1,014
tỷ VNĐ
YoY: ▼120 -10.6%

LN thuần 9T 2025
47.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.00 -6.0%

LN sau thuế 9T 2025
35.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.30 -10.7%



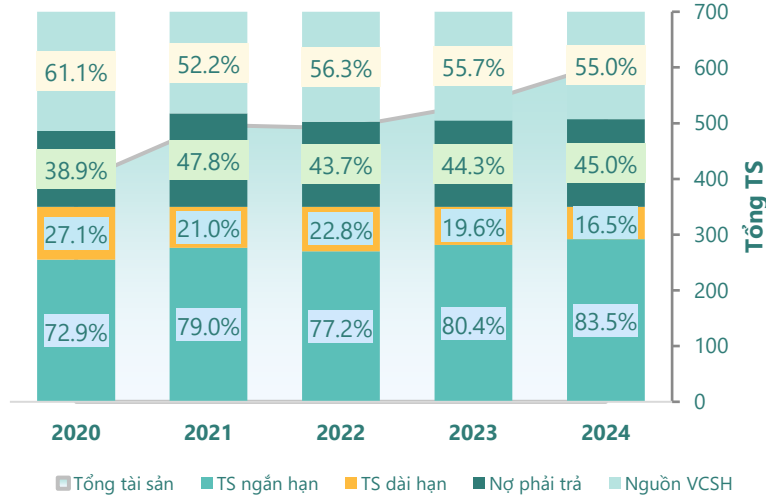
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

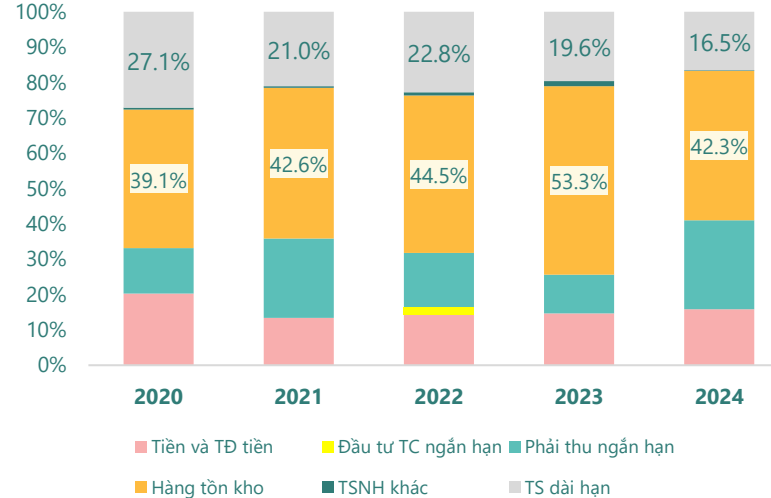
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

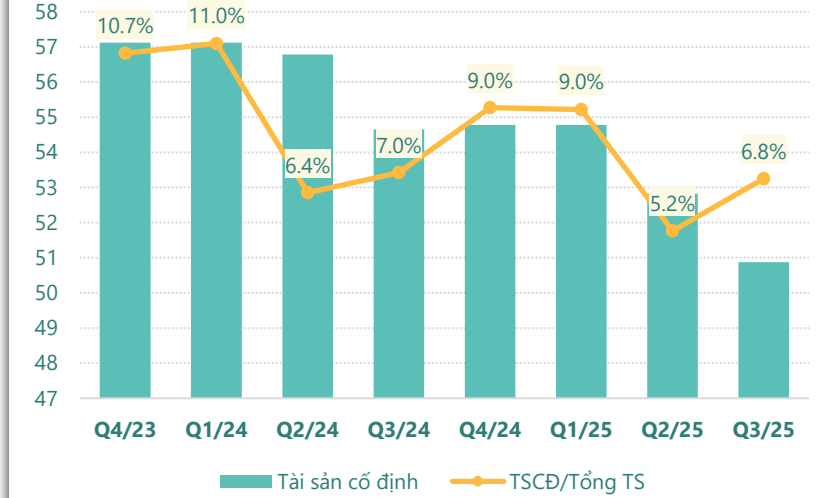
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

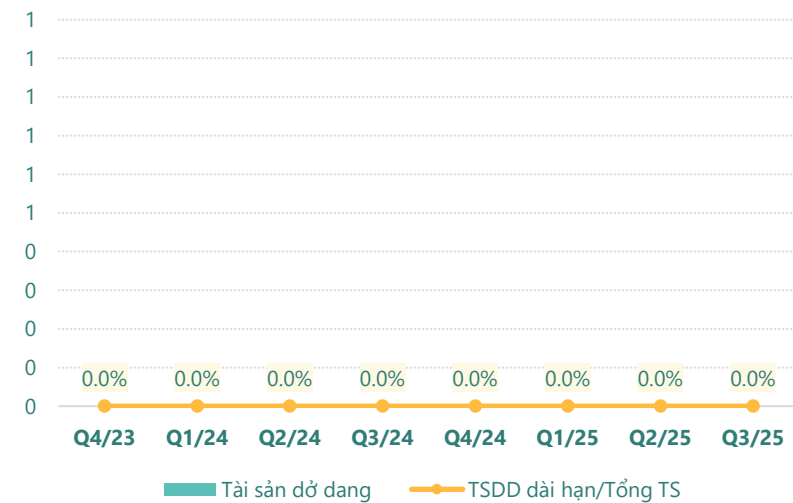
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

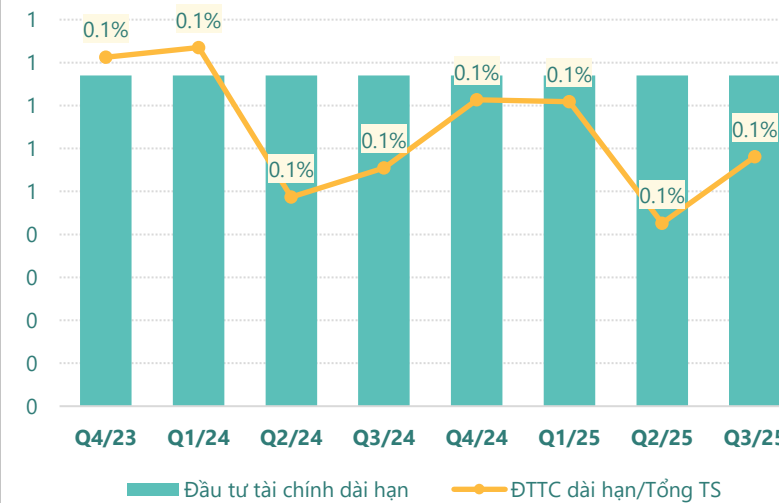
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

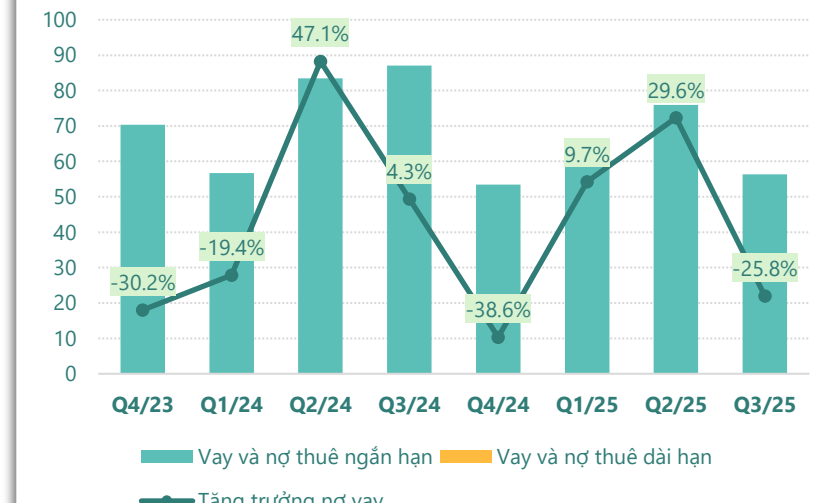
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

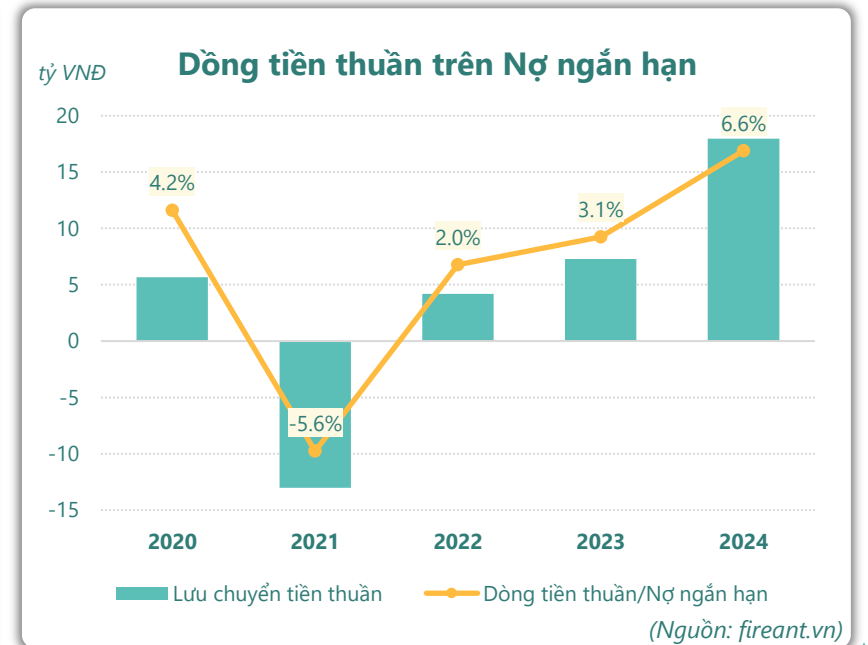
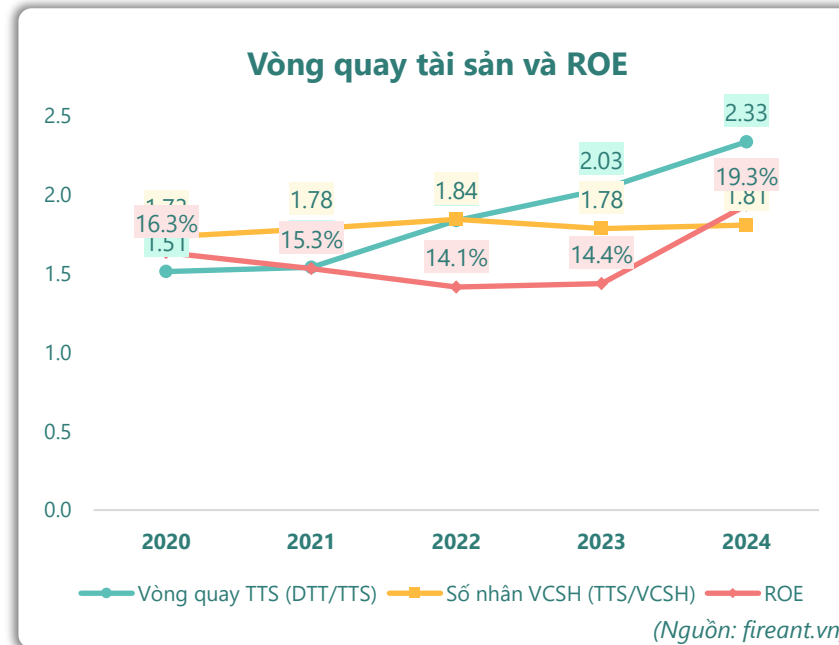
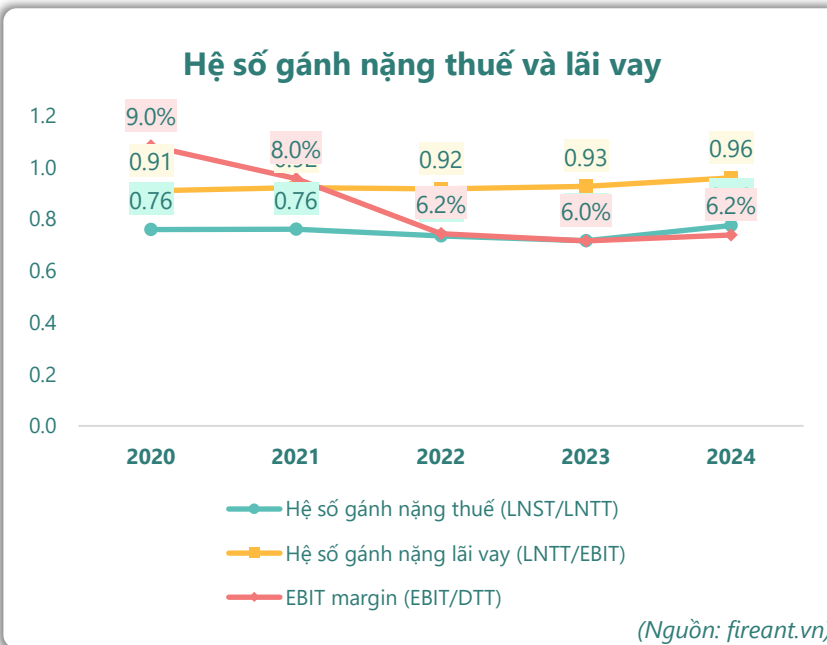
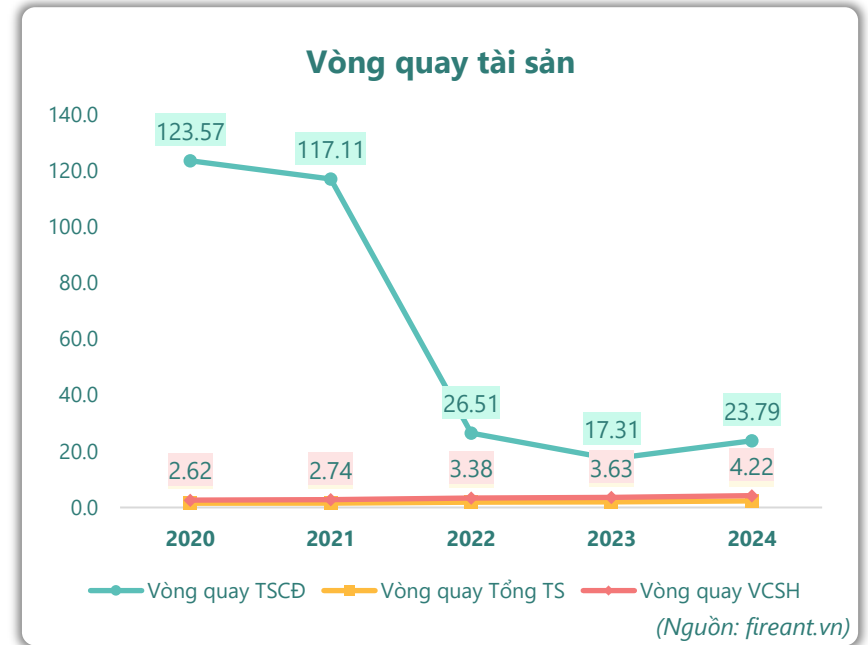
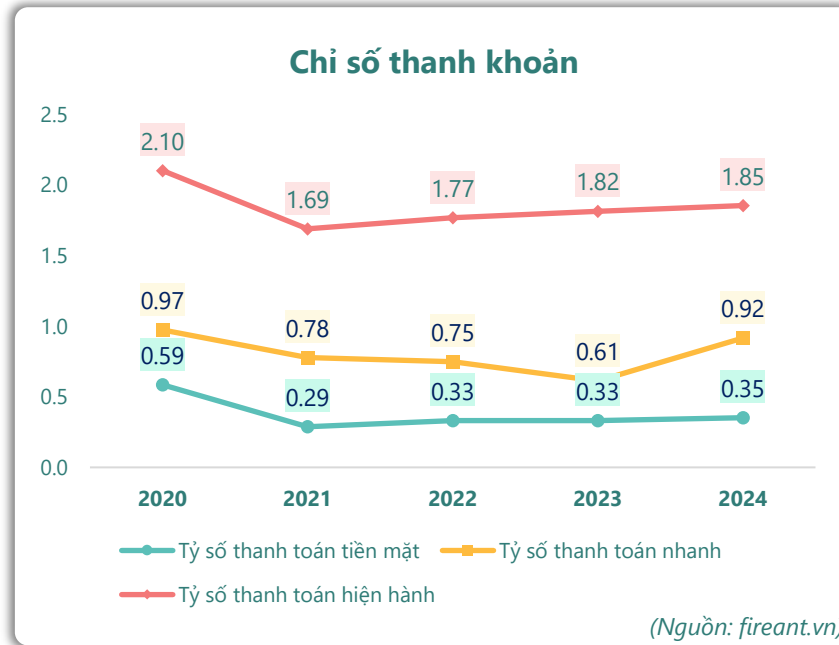
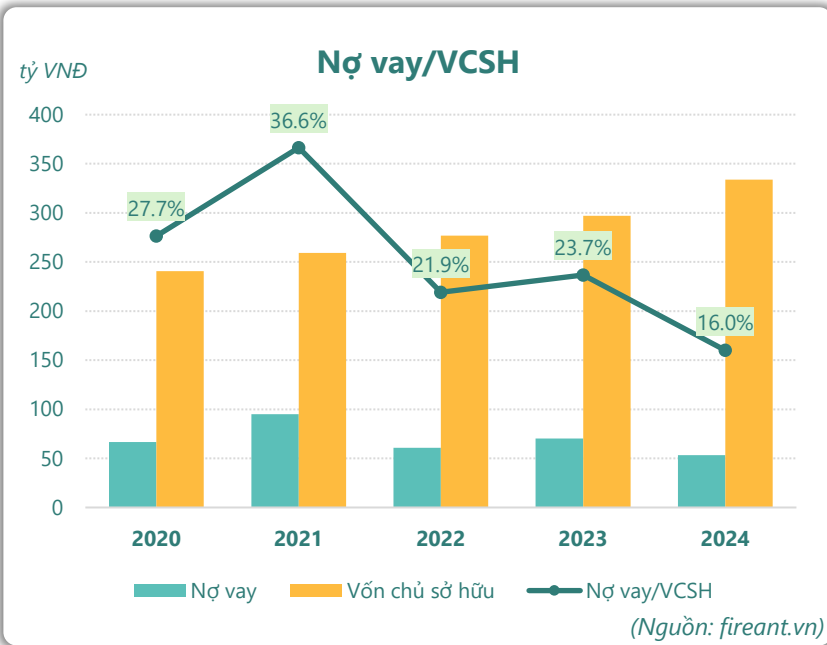
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	267	429	-37.7%	1,014	1,134	-10.6%
Giá vốn hàng bán	215	321	-32.9%	773	869	-11.0%
Lợi nhuận gộp	51.9	107	-51.5%	240	265	-9.3%
Doanh thu HĐTC	0.38	0.09	324%	1.25	0.59	111%
Chi phí TC	0.64	3.50	-81.8%	2.41	5.80	-58.4%
Chi phí lãi vay	0.64	2.50	-74.5%	2.09	3.98	-47.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	27.1	64.3	-57.8%	144	161	-10.6%
Chi phí QLDN	12.5	17.9	-30.0%	47.4	47.9	-1.1%
LN thuần từ HĐKD	12.0	21.5	-44.3%	47.9	50.9	-6.0%
Lợi nhuận khác	-0.35	-0.01	-3445%	-0.37	0.26	-244%
LN trước thuế	11.6	21.5	-46.0%	47.5	51.1	-7.1%
Lợi nhuận sau thuế	8.69	16.9	-48.6%	35.5	39.8	-10.7%
LNST của CĐ cty mẹ	8.69	16.9	-48.6%	35.5	39.8	-10.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.8	64.5	26.2	-30.4	34.0	30.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.76	0.75	0.04	0.44	0.29	0.22
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.9	-8.57	-33.6	5.17	-1.18	-20.1
Tiền đầu kỳ	34.5	46.9	104	96.2	71.4	105
Lưu chuyển tiền thuần	12.4	56.7	-7.37	-24.8	33.2	10.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	46.9	104	96.2	71.4	105	115

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	746	607	22.9%
Tài sản ngắn hạn	651	507	28.5%
Tiền và tương đương tiền	115	96.2	19.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	290	153	90.2%
Hàng tồn kho	241	257	-6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.14	1.16	345%
Tài sản dài hạn	95.0	100	-5.4%
Phải thu dài hạn	22.2	22.2	0.0%
Tài sản cố định	50.9	54.8	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.77	0.77	0.0%
Tài sản dài hạn khác	21.1	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	395	273	44.7%
Nợ ngắn hạn	395	273	44.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.3	53.4	5.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	188	43.1	337%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	351	334	5.1%
Vốn chủ sở hữu	351	334	5.1%
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

